TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 232/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 04 tháng 9 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ-THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Trần Ngọc H,** Sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Tổ 34, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Lê Thị Hồng D,** sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Tổ 41, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung với nhau được một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, lạnh nhạt tình cảm với nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết

quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D xác định có 02 con chung là Trần Lê Ngọc P, sinh ngày: 02/01/2001 và Trần Lê Ngọc T, sinh ngày: 26/3/2004. Ly hôn, ông Trần Ngọc H và Lê Thị Hồng D thống nhất thỏa thuận giao con Trần Lê Ngọc T cho ông H nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con Trần Lê Ngọc P đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Các vấn đề khác: Ông Trần Ngọc H và Lê Thị Hồng D xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0008060 ngày 27/8/2019.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D (Giấy chứng nhận kết hôn số 175, Quyển số 01 ngày 01/12/2000, tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung là Trần Lê Ngọc T, sinh ngày 26/3/2004 cho ông Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Hồng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Hồng D mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0008060 ngày 27/8/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường T, quận T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TÔ THỊ THY TUYẾT